

Hiệp định Gionevo 1954 về Việt Nam và Hiệp định Paris 1973: Ngoại giao và thành tựu của cách mạng Việt Nam

Pierre Asselin*

Khoa Lịch sử và Khoa học chính trị, Đại học Chaminade, Hawaii, Hoa Kỳ

Nhận ngày 6 tháng 3 năm 2007

Tóm tắt. Dựa trên các nguồn sử liệu được khai thác từ nhiều phía, bài viết muốn phân tích rõ hơn về quá trình đấu tranh của Việt Nam từ sau khi ký Hiệp định Gionevo cho tới khi Việt Nam và Hoa Kỳ cùng ký Hiệp định Paris năm 1973. Trong suốt quá trình đó, đấu tranh ngoại giao từ đầu được coi như hoạt động hỗ trợ cho đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị và nó trở thành một trong những mặt trận quan trọng và chính yếu, nó cũng đã tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa cuộc cách mạng Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn. Chính quyền Mỹ phải ký Hiệp định Paris, rút quân khỏi Việt Nam, thừa nhận độc lập và chủ quyền của nhân dân Việt Nam bằng một văn bản luật pháp quốc tế, đó là một trong những thắng lợi quan trọng nhất của đấu tranh ngoại giao và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Để chống lại sự can thiệp và xâm lược quân sự của Pháp và Mỹ vào Đông Dương, các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã đồng thời tiến hành ba mặt trận đấu tranh gồm đấu tranh quân sự (*military struggle*), đấu tranh chính trị (*political struggle*) và đấu tranh ngoại giao (*diplomatic struggle*). Trong những hình thức đấu tranh đó, đấu tranh quân sự vẫn được coi là đóng vai trò quyết định và cuối cùng cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi hoàn toàn ⁽¹⁾. Đấu tranh quân

sự và chính trị chắc chắn có ý nghĩa như là những cơ sở và phương pháp cách mạng chính yếu nhằm thay đổi cục diện trên chiến trường. Tuy vậy, cuối cùng số phận của người Pháp và người Mỹ tại Việt Nam, kết cục của cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất hay thứ hai và quan trọng hơn cả, thành quả của tự do và sự thống nhất dân tộc Việt Nam đều được quyết định trên bàn đàm phán. Cả Hiệp định Gionevo và Paris không chỉ đã chính thức hóa những thắng lợi quân sự và chính trị, mà nó còn tạo ra những điều kiện pháp lý không thể chối cãi đối với Pháp và Mỹ, một cách tôn trọng, chấp nhận thực tế

*ĐT: 808-739-8530

E-mail: asselin@hawaii.edu

⁽¹⁾ Khái niệm "Cách mạng" là từ mà Đảng Lao động Việt Nam sử dụng làm mục tiêu và đã không ngừng nỗ lực đấu tranh vì các mục tiêu đó. Khái niệm này hình thành từ tổ chức tiền thân là Đảng Cộng sản Đông Dương. Mục tiêu cách mạng gồm ba nội dung: Giải phóng Việt Nam khỏi sự chiếm đóng của Nhật, thực dân Pháp cùng những tên phản động người Việt và chủ nghĩa thực dân mới Mỹ; Tái thống

nhất đất nước từ 3 miền (Bắc - Trung - Nam) đang bị thực dân Pháp cai trị và sau đó là chính quyền tay sai thân Mỹ; Mục tiêu cấp bách nhất là giải phóng và thống nhất dân tộc và Đảng LDVN đã thu được thắng lợi cuối cùng vào tháng 4-1975. Sau thắng lợi, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trên cả nước đã được xác định.

của chính mình, các liên minh và chính sách của họ ở Việt Nam. Do vậy, cuối cùng các bản hiệp định đó đã góp phần vào sự thành công các mục tiêu của cách mạng Việt Nam.

Bài viết này tập trung phân tích so sánh nguồn gốc và mối quan hệ giữa Hiệp định Gionevơ về Việt Nam năm 1954 và Hiệp định Paris năm 1973. Ngoài ra, trên cơ sở phân định và đánh giá những sự kiện lịch sử đã ít nhiều bị nhận thức sai lệch, bài viết cũng muốn đưa ra những tranh luận về một số khía cạnh đã tác động đến tình hình ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Những điều khoản của Hiệp định Gionevơ và Paris mà bài viết này đề cập đến luôn được nhìn nhận là những điểm then chốt, có ý nghĩa bước ngoặt trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Sau khi Nhật Bản buộc phải tuyên bố đầu hàng phe Đồng minh vào giai đoạn cuối cuộc Chiến tranh thế giới thứ II, tranh thủ thời cơ thuận lợi, ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH). Bản Tuyên ngôn đó là đỉnh cao của quá trình đấu tranh mà lịch sử Việt Nam gọi là cuộc Cách mạng tháng Tám. Trong cuộc đấu tranh đó, những người cộng sản theo chủ nghĩa dân tộc đã giành chính quyền từ tay quân đội Nhật và buộc Bảo Đại, vị Hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn phải thoái vị, kết thúc chế độ quân chủ tồn tại 10 thế kỷ ở Việt Nam. Mặc dù phạm vi kiểm soát toàn bộ Việt Nam và phần còn lại của Đông Dương trên thực tế đã từng bị người Nhật bãi bỏ vào tháng 3-1945, nhưng Pháp không bao giờ chấp nhận sự kết thúc “Công cuộc khai hoá văn minh” mà họ đã tiến hành tại Đông Dương và như vậy thực dân Pháp đã chiếm lại bán đảo. Hành động đó của Pháp đã diễn ra ngay cả khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập tại Hà Nội. Không thể

chấp nhận sự thiết lập trở lại ách nô dịch của Pháp, Hồ Chủ tịch đã đoàn kết sức mạnh của toàn thể dân tộc và trở thành người lãnh đạo phong trào cách mạng, tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (*Resistance against French Colonial Aggression*)[1-3].

Tiếp sau cuộc tái chiếm Đông Dương của quân đội Pháp và sự bùng nổ mau lẹ của một cuộc chiến tranh mới chống lại sự chiếm đóng vào tháng 12-1946, chính phủ VNDCCH vừa mới thành lập đã rút lui lên vùng núi phía Bắc Việt Nam, tiếp giáp với biên giới Trung Quốc. Từ khu căn cứ địa đó, chính phủ Hồ Chí Minh đã phối hợp ba mặt trận kháng chiến để đấu tranh và cuối cùng là hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc. Đấu tranh quân sự nhằm làm suy yếu lực lượng của Pháp bằng cách làm tiêu hao sinh lực địch và bằng cả đấu tranh tuyên truyền làm suy giảm tinh thần chiến đấu của họ. Đấu tranh chính trị, mũi tấn công thứ hai, đòi hỏi có sự chỉ đạo hoạt động tư tưởng giữa các tầng lớp quần chúng để tập hợp lực lượng, khích lệ tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ và dân binh và những người ủng hộ khác. Đấu tranh ngoại giao, mặt trận kháng chiến thứ ba, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của thế giới cả về ngoại giao và tuyên truyền, lôi kéo địch vào các hoạt động truyền thông và diễn đàn công khai để vạch trần bộ mặt thực dân mới của chúng; gây áp lực lên chính phủ Pháp buộc họ phải rút lực lượng quân đội khỏi Đông Dương và chấp nhận quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Sức mạnh của đấu tranh ngoại giao dẫn đến các cuộc đàm phán quan trọng với kẻ thù diễn ra vào những thời điểm phù hợp nhằm đi tới sự công nhận các kết quả đã đạt được trong suốt quá trình đấu tranh chính trị và quân sự [4].

Xuyên suốt cuộc kháng chiến, các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam đặt niềm tin vào hình thức đấu tranh chính trị và quân sự

với những kết quả tổng hợp. Tháng 11-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định trên một tờ báo Thụy Điển rằng VNDCCH đã chuẩn bị thương lượng để chấm dứt cuộc chiến tranh với phía Pháp. Nếu Paris muốn “đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo cách hòa bình”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “nhân dân và Chính phủ VNDCCH sẵn sàng tiếp nhận ý muốn đó”⁽²⁾. Vài tuần sau, dưới sức ép trong nước, chính phủ Laniel đồng ý đàm phán hòa bình với VNDCCH và những đại diện khác tại Gionevơ bắt đầu từ ngày 8-5-1954 [7].

Nhưng định mệnh xoay vần thật trớ trêu, các lực lượng theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam đã chôn vùi đạo quân lớn của Pháp ở Điện Biên Phủ vào thời điểm trước khi diễn ra ngày đàm phán tức ngày 7-5-1954 ⁽³⁾. Chỉ khoảng 24 giờ sau, hội nghị quốc tế về tương lai của Đông Dương đã được triệu tập lại tại Gionevơ⁽⁴⁾. Cùng chủ tọa phiên họp có đại diện của Anh và Liên Bang Xã hội chủ nghĩa Xô Viết (USSR), cuộc họp nhằm kết thúc chiến sự ở Đông Dương bằng việc tìm ra các giải pháp chính trị cho các cuộc xung đột giữa thực dân Pháp và những dân tộc tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng là Việt Nam, Lào và Campuchia. Bên cạnh Anh và

Liên Xô còn có sự tham gia của đoàn đại biểu Pháp, VNDCCH (đại diện của những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam), chính phủ của vương quốc Lào và Campuchia.

Sau những tuần mặc cả, cuộc thương lượng ngày 20-5-1954 đã đạt được ba thoả thuận khác nhau mà một trong số đó liên quan đến các nước Đông Dương là Việt Nam, Lào, Campuchia. Theo đó, hội nghị đã đi đến việc kết thúc cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất⁽⁵⁾. Trong bản “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam”, đã được Pháp và VNDCCH ký kết, cả hai phía đồng ý ngừng bắn ngay lập tức, thừa nhận nền độc lập của nước Việt Nam và việc chia cắt tạm thời đất nước. Việt Nam bị chia cắt thành hai vùng, ranh giới xác định bằng một khu phi quân sự hóa ở vĩ tuyến 17. Bên cạnh đó, bản Hiệp định cũng quy định một sự tái lập có tính chất bắt buộc đối với tất cả các lực lượng trong vòng 300 ngày⁽⁶⁾. Cả hai bên cũng đồng ý cấm việc đưa quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài vào Việt Nam và kiểm chế không trả thù đối với những người thuộc phía đối phương trước đây. Để giám sát việc thi hành quá trình này cũng như các điều khoản và hành động chống phá có thể xảy ra, Hội nghị thoả thuận quy định lập ra một Ủy ban chung cho Việt Nam với những đại diện từ phía Pháp và VNDCCH - Ủy ban giám sát và kiểm soát Quốc tế (ICSC) với những đại diện đến từ Ấn Độ, Ba Lan và Canada.

Nhìn vào tương quan lực lượng trong nước vào mùa Hè năm 1954, phía VNDCCH tiếp tục nắm quyền kiểm soát ở vùng lãnh thổ miền Bắc còn Pháp kiểm soát phía Nam vĩ tuyến 17. Theo sự phân chia giới tuyến có ý

⁽²⁾ Nguyên văn câu nói của Hồ Chí Minh như sau: "... Hiện nay nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy ngàn năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hoà bình thì nhân dân Việt Nam và Chính phủ Việt Nam sẵn sàng tiếp ý muốn đó..." [5]. Nội dung chủ đạo đó được giới thiệu lại trong [6].

⁽³⁾ Bản mô tả rõ nhất của trận đánh xem [8].

⁽⁴⁾ Hội nghị Gionevơ chính thức bắt đầu vào tháng 4-1954 nhằm thảo luận tình hình hậu chiến trên bán đảo Triều Tiên. Kết thúc các cuộc đàm phán đó, từ ngày 8-5-1954 thì chuyển sang tập trung vào vấn đề Đông Dương.

⁽⁵⁾ Quốc hội Pháp đã phê chuẩn Hiệp định Gionevơ vào ngày 23-7-1954 với 462 phiếu thuận, 13 phiếu chống, 134 phiếu trắng [9].

⁽⁶⁾ Toàn bộ nguyên văn của Hiệp định được giới thiệu lại tại Thượng viện Hoa Kỳ - Ủy ban Quan hệ quốc tế [10].

nghe tạm thời, cuộc đàm phán tại Gionevơ còn đưa ra một văn bản bổ sung "Tuyên bố bề mặt của Hội nghị Gionevơ: Về sự khôi phục lại hòa bình ở Đông Dương, ngày 21-7-1954", trong đó nói đến những cuộc hội đàm giữa "đại diện có thẩm quyền của hai vùng" bắt đầu vào tháng 4-1955 tạo kỳ hạn cho các cuộc tổng tuyển cử thống nhất dưới một chính phủ duy nhất vào tháng 7-1954, trong đó có điều khoản quy định Pháp phải rút toàn bộ quân đội khỏi đất nước Việt Nam ⁽⁷⁾.

Nhưng, Hiệp định Gionevơ đã không được thực hiện một cách hiệu quả và rõ ràng. Hơn thế nữa, trong và sau quá trình đàm phán dường như VNDCCH buộc phải dàn xếp và không thể chủ động đưa ra những quyết sách trọng đại. Lúc bấy giờ, VNDCCH đã phải chịu áp lực từ nhiều phía [12-14]. Có thể thấy, vì nhiều nguyên nhân cả Mátxcova và Bắc Kinh đều muốn cải thiện quan hệ với các nước phương Tây, trong đó có Mỹ. Liên Xô và Trung Quốc "đã bán tháo" (*Sell-out*) đồng minh của mình khi họ khẳng định chấp nhận việc chia cắt đất nước Việt Nam và một kế hoạch hoàn toàn mơ hồ cho việc tái thống nhất. Nhìn từ đầu cho đến kết thúc cuộc chiến tranh Triều Tiên, theo quan điểm này, Hội nghị Gionevơ đã có cơ may làm tan "tảng băng" - điều mà phía Liên Xô và Trung Quốc cần trong cuộc Chiến tranh lạnh.

Đối với vấn đề Việt Nam, Liên Xô đến Hội nghị Gionevơ "với mong muốn kết thúc nhanh chóng cuộc chiến tranh nóng đang diễn ra trên thế giới sau khi ngọn lửa của chiến tranh Triều Tiên đã được dập tắt". Mục đích của họ cũng là "đưa đến những điều kiện thuận lợi để giảm bớt tình trạng căng thẳng giữa các nước" và "quan hệ quốc tế" [15, 16]. Lúc bấy giờ, Trung Quốc muốn nổi

lên trong vai trò giải quyết một vấn đề quốc tế trọng đại. Tuy chính quyền do Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo mới chỉ vừa giành được độc lập nhưng đã tranh thủ được sự tín nhiệm - như một thành viên chủ đạo trong đời sống chính trị thế giới [17; 18, tr. 49-63]. Các nguồn tài liệu từ phía Việt Nam cũng cho thấy, Trung Quốc rất muốn một sự giải quyết vừa phải đối với phương Tây khi họ ngầm đồng ý "giải pháp theo cách Triều Tiên đối với cuộc chiến tranh Đông Dương, cụ thể là một sự đình chiến quân sự không có một thỏa thuận chính trị trọn vẹn" [15]. Qua các tài liệu khác, mang tính chính trị nhiều hơn, Trung Quốc đã gây áp lực đối với đoàn đại biểu VNDCCH tại Gionevơ buộc họ phải chấp nhận chia cắt đất nước; Bắc Kinh lo ngại Washington có thể can thiệp vào Việt Nam nếu họ tìm thấy kết quả của đàm phán tại Gionevơ không như ý muốn [19].

Những áp lực của Liên Xô và Trung Quốc có lẽ đã có tác dụng đối với cuộc đàm phán ở Gionevơ và như vậy chính phủ VNDCCH đã phải chấp nhận một số thỏa thuận đã được đề nghị nhưng dù sao Hà Nội cũng có lý do của mình khi tham dự Hội nghị Gionevơ. Có thể thấy, Điện Biên Phủ không chỉ là một chiến thắng lẫy lừng của những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, mà nó còn là cuộc chiến tranh kéo dài, ác liệt gây nên biết bao sự đau thương và tổn thất. Trong suốt thời gian vây hãm, lực lượng cách mạng đã có hơn 20.000 người bị thương, trong đó có thể có tới 10.000 người bị tử trận. Như vậy, lực lượng cách mạng rất cần có một thời gian dừng cuộc chiến để củng cố lực lượng [20, 21]. Hơn nữa, mặc dù tác động của trận đánh đã làm suy yếu rõ rệt vị thế của Pháp ở Bắc Việt Nam, nhưng nó cũng chỉ ảnh hưởng nhỏ đến tiềm lực của Pháp hay tiềm lực của những liên minh bản xứ của Pháp ở miền Nam Việt Nam. Nhìn chung, bộ máy thuộc địa hầu như

⁽⁷⁾ Toàn bộ nguyên văn Bản tuyên bố Bề mặt được giới thiệu lại trong Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ [11].

còn nguyên vẹn. Và như vậy, đã có người cho rằng tại Điện Biên Phủ, Pháp - phe chống cộng đã thua trận, chứ không thua một cuộc chiến tranh⁽⁸⁾. Về vấn đề này, Chủ tịch nước VNDCCH Hồ Chí Minh đã thừa nhận thực tế đó trong một bức thư viết tháng 5-1954 gửi tới những người tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Ông nói với những đồng chí và chiến sĩ tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ rằng chiến thắng chỉ đánh dấu "sự khởi đầu" và, "Chúng ta không được bằng lòng với chính mình". Bởi vì, đấu tranh cách mạng "có lẽ sẽ lâu dài và cam go" cho đến khi "giành được thắng lợi hoàn toàn" [23]⁽⁹⁾.

Vì nhiều lý do, Hà Nội đã ký Hiệp định Gionevơ và tán thành Tuyên bố bế mạc của Hội nghị Gionevơ vì các văn bản đó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho thắng lợi của cuộc cách mạng trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Trong Hiệp định phía Pháp phải thừa nhận chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và rút toàn bộ quân đội khỏi Việt Nam, Campuchia và Lào. Thực tế, các nước này đã chấm dứt quyền cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Tại khu vực phân chia giới tuyến quân sự tạm thời từ vĩ tuyến 17, hai văn bản quy định sự rút bỏ hoàn toàn của Pháp và lực lượng quân đội trong vòng 300 ngày, vì thế lực lượng cách mạng đã chính thức giải phóng miền Bắc. Đó là "một chiến thắng chủ yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta". Tinh thần đó đã được ghi trong văn kiện chính thức của Đảng

⁽⁸⁾ "Chúng tôi đã nói rõ chiến thắng từ cuộc chiến tranh đó" với Pháp, nguyên một cán bộ binh luận: "nhưng lực lượng của ông ta đã bị phá hủy hoàn toàn. Do đó tại sao chúng tôi ký Hiệp ước Gionevơ" [22].

⁽⁹⁾ Trong một cuộc phỏng vấn dẫn đây, chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khẳng định chiến thắng Điện Biên Phủ quan trọng không chỉ về quy mô mà nó "đã góp phần vào thành công của Hội nghị Gionevơ, trong đó Việt Nam được thừa nhận là một nước độc lập thống nhất và miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và thủ đô là Hà Nội" (Vietnam New Service, 5 May 2004).

Lao động Việt Nam, nó cho phép đi đến thiết lập một "*cơ sở vững chắc*" (solid base) để "đi đến giành hòa bình, thống nhất, độc lập trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam" [24]. Đối với miền Nam, tầm quan trọng của Tuyên bố bế mạc, trên cơ sở giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền của Việt Nam, đã không tạo ra một ranh giới chính trị và lãnh thổ; và sự quy định về thời hạn cuối cùng của cuộc tuyển cử toàn quốc vào tháng 7-1956 đã báo trước tình trạng không hòa hợp trong điều kiện hòa bình. Trong khi chờ đợi, việc cấm quân đội nước ngoài can thiệp và thành lập các căn cứ quân sự bổ sung được coi là sự bảo đảm hợp pháp mạnh mẽ chống lại sự can thiệp từ bên ngoài tức là Mỹ, nước đang có ý định can thiệp vào tình hình chính trị Đông Dương.

Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức tuyên bố Hiệp định Gionevơ là một "thắng lợi lớn" (*big victory*). Hồ Chủ tịch còn nhấn mạnh nó đã buộc chính phủ Pháp "phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước ta"⁽¹⁰⁾. BCHTƯ Đảng Lao động Việt Nam đã khẳng định lại quan điểm này, thêm nữa còn coi Hiệp định Gionevơ là một "thắng lợi vĩ đại" (*great victory*) của quân đội và nhân dân Việt Nam. Niềm hân hoan chiến thắng được nhân gấp đôi khi nó không chỉ đánh dấu sự sụp đổ của uy lực quân đội Pháp tại Đông Dương, mà còn báo hiệu "sự thất bại của đế quốc Mỹ đang âm mưu biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ quan trọng của Mỹ" [26, tr. 234]⁽¹¹⁾. BCHTƯ bày tỏ mối quan tâm sâu sắc đối với âm mưu của Mỹ. Nên hiểu rằng vị trí của Pháp ở Đông Dương nói chung và Việt

⁽¹⁰⁾ Lời kêu gọi sau khi Hội nghị Gionevơ thành công, ngày 22-7-1954 [25].

⁽¹¹⁾ "Với các cuộc can thiệp của họ vào Đông Dương", Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ rõ, "đế quốc Mỹ nhằm mục đích hất cẳng Pháp dân khỏi Đông Dương và biến Đông Dương thành một tiền đồn của Mỹ" [27].

Nam nói riêng đã xuống tới mức rất thấp sau Điện Biên Phủ và Hiệp định Gionevo nhưng Đảng Lao động Việt Nam vẫn cảnh báo rằng tương lai sự nghiệp cách mạng vẫn còn trải qua nhiều thử thách, khó khăn vì những mưu đồ của Mỹ ở Đông Dương. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phải hết sức đề cao tinh thần cảnh giác để phòng với những âm mưu xâm lược của Mỹ vì Mỹ có khả năng sẽ ra sức phá vỡ tiến trình hòa bình đã được thoả thuận, phải luôn nâng cao “ý chí chiến đấu” thì tương lai của Cách mạng mới được bảo đảm [26, tr. 236].

Mặc dù có một số thiếu sót, nhưng trên thực tế, Hiệp định Gionevo là một thành quả mang nhiều ý nghĩa đối với Cách mạng Việt Nam, vì nó đã bảo đảm rằng nỗ lực phi quân sự đã có kết quả và quan trọng hơn cả là việc giải phóng một nửa đất nước và một lời cam kết thừa nhận nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và rút quân hoàn toàn khỏi Đông Dương từ phía Pháp. Hơn nữa, Hiệp định Gionevo báo trước sự chấm dứt của một cuộc xung đột, báo hiệu sự cáo chung của một kỷ nguyên can thiệp và đô hộ của Pháp ở Việt Nam. Kết quả của đàm phán Gionevo tạo ra một thắng lợi vĩ đại và đây ý nghĩa đối với phong trào đấu tranh chống thực dân. Sự nghiệp cách mạng tự nó không phải đã hoàn thành trọn vẹn, nhưng Đảng Lao động Việt Nam đã đạt được một bước tiến quan trọng qua việc ký kết Hiệp định Gionevo.

Cuối những năm sau 50 của thế kỷ XX, sau khi công khai tuyên bố mạnh mẽ về chế độ Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn là một chính phủ tay sai của Pháp và can thiệp Mỹ, chính quyền đó cũng như không bao giờ tôn trọng cả những điều khoản ghi trong văn bản cũng như ý nghĩa của Hiệp định Gionevo, chống lại quá trình hoà hợp dân tộc, thống nhất đất nước, Ban lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam đã xác định đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ

trang ở miền Nam nhằm đẩy nhanh sự sụp đổ của chính thể miền Nam và đấu tranh thống nhất dân tộc [28-30]. Từ năm 1965, khi Mỹ đưa quân vào xâm lược Việt Nam thì đấu tranh vũ trang trở thành một mặt trận chính yếu. Cuộc đấu tranh này đã kết hợp với đấu tranh chính trị để chống lại sự can thiệp trực tiếp của Mỹ.

Nhằm chống lại việc Mỹ ào ạt đưa các lực lượng lính thủy đánh bộ vào chiến trường Việt Nam và tiến hành ném bom, bắn phá miền Bắc, Đảng Lao động Việt Nam đã tổ chức và có sự phối hợp với nỗ lực lớn nhằm tiến hành “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước” (*Anti-American Resistance for National Salvation*) với khí thế như đã từng tiến hành trong cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây. Mặc dù ngoại giao nói chung và các cuộc thương lượng với địch nói riêng đã chứng tỏ thành quả của nó, nhưng vào thời điểm bấy giờ các nhà lãnh đạo Việt Nam đã không chủ trương giải quyết vấn đề miền Nam thông qua thương lượng hoà bình vì họ tin tưởng rằng sẽ đánh bại Washington về mặt quân sự. Trong một bài viết trên tạp chí *Học Tập*, một trong những cơ quan ngôn luận của Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ, người đứng đầu Ban tổ chức của Đảng Lao động Việt Nam, đã công khai vạch trần một số tư tưởng hữu khuynh muốn theo đuổi chủ trương đàm phán [31]. Đáp ứng đòi hỏi bức thiết phải giải phóng nhanh chóng miền Nam, tái thống nhất đất nước, trong khi đang xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hà Nội vẫn quyết định không thể thoả hiệp với đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền Sài Gòn - đồng minh của Mỹ, mà quyết tâm giành thắng lợi quyết định trên chiến trường ⁽¹²⁾.

(12) Đảng Lao động Việt Nam đã chính thức giao phó toàn bộ các mục tiêu cách mạng này trong kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba năm 1960 [32].

Hơn nữa, Hà Nội không tin người Mỹ sẽ hành thật đàm phán. Theo cách nhìn của Đảng Lao động Việt Nam, không giành được những thắng lợi quyết định về quân sự thì sẽ không thể làm cho người Mỹ tỉnh ngộ, và vì thế họ vẫn có thể duy trì sự hiện diện cũng như sức mạnh ở Đông Dương. Trong một bài phát biểu trước Quốc hội tháng 4 -1965, Thủ tướng chính phủ VNDCCH Phạm Văn Đồng phân tích rằng theo kết quả của Hiệp định Giơnevơ, “để quốc Mỹ đã từng bước thay thế thực dân Pháp ở miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm và đã thủ tiêu các nhóm chính trị đối lập một và thực hiện nhiều biện pháp đàn áp khốc liệt nhất chống nhân dân”. Trong cuộc xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ đã không chú ý đến quyền lợi chính đáng của nhân dân Việt Nam và đã tẩm máu tất cả các lực lượng yêu nước khao khát độc lập, dân chủ, tái thống nhất đất nước theo phương thức hòa bình⁽¹³⁾. Do vậy, đàm phán với một kẻ địch hung hăng, coi thường những giá trị chính nghĩa là vô ích. Do vậy, VNDCCH chủ trương “Bạo lực nhân dân là cách duy nhất để chống lại với bạo lực của đế quốc xâm lược” [33, tr. 54].

Stein Tonnesson đã cho rằng các nhà lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam mong muốn mở mặt trận đấu tranh trên lĩnh vực ngoại giao vì những người theo chủ nghĩa quốc tế sẽ công nhận Cách mạng Việt Nam như một phong trào tiên phong có khả năng thu hút nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới. Theo phỏng đoán của S.Tonnesson, Hà Nội tìm thấy khả năng “không diễn ra một cuộc đổ máu lớn” có thể chấp nhận được khi các nhà lãnh đạo Việt Nam tin vào cuộc đấu tranh của mình “vì sự nghiệp cách mạng trên toàn thế giới” [34, tr. 33-34]. Một vài bằng chứng

thể hiện lập trường đó. Trong dịp gặp Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai, Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn đã phát biểu: “Chúng ta phải lập một mặt trận thế giới, nó sẽ được xây dựng trước hết bằng một vài nước nòng cốt và sau đó được mở rộng ra cả các nước châu Phi, châu Mỹ - Latinh” [34, tr. 35]. Lần khác, Bí thư thứ nhất đã phát biểu rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi cuối cùng là “nghĩa vụ cao cả” của nhân dân Việt Nam “trước phong trào Cộng sản quốc tế”. Để đạt tới mục đích của “tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản và phong trào Cộng sản quốc tế”, Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tổn thất và hy sinh của mình. Ông còn khẳng định cương quyết: “Sẵn sàng chấp thuận nếu quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Nam Việt Nam bị chậm lại 30 hay 40 năm” ⁽¹⁴⁾.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Hà Nội đã đồng ý đàm phán công khai và bí mật với Mỹ và một năm sau đã bắt đầu các cuộc gặp bí mật với chính quyền Nixon qua cố vấn An ninh quốc gia Henry Kissinger. Sau đó năm 1970, các nhà lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam đã nâng ngoại giao - một hình thức đấu tranh, và cũng như các cuộc đàm phán bí mật tại Paris, lên ngang tầm với mặt trận đấu tranh quân sự và chính trị. Trong suốt 2 năm sau đó, Hà Nội vừa xúc tiến các cuộc thương lượng nghiêm túc vừa tăng cường hoạt động quân sự. Rốt cuộc, các vấn đề đã có lời giải từ Cuộc nổi dậy mùa Xuân năm 1972 và miền Bắc bắt đầu chống trả các cuộc ném bom của Mỹ: gồm các cuộc tập kích man rợ vào Hà Nội và Hải Phòng tháng 12-1972, hòng buộc Hà Nội phải ký kết Hiệp định Paris với Mỹ [35-37]. Trong

⁽¹³⁾ Báo cáo Chính phủ đệ trình của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, tháng 4 năm 1965 [33, tr. 15].

⁽¹⁴⁾ Từ bản ghi của cuộc đàm thoại ngày 13-4-1966 giữa Chu Ân Lai, Deng Xiaoping (Đặng Tiểu Bình), Kang Sheng (Giang Thanh), Lê Duẩn và Nguyễn Duy Trinh được giới thiệu trong [34, tr. 95].

một phát biểu, chính Bí thư thứ nhất BCHTƯ Lê Duẩn đã phải thừa nhận rằng cuộc ném bom tháng 12-1972 “đã phá hủy hoàn toàn cơ sở kinh tế của chúng tôi” [38]. Như đã từng diễn ra sau trường hợp Điện Biên Phủ, VNDCCH cần một sự tạm đình chiến để xoa dịu vết thương.

Cuối cùng, trải qua một quá trình đấu tranh ngoại giao, Hiệp định Paris đã được ký ngày 27-1-1973. Như trong chính Hiệp định chi rõ, những đại diện của Mỹ, VNDCCH, Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ký vào buổi sáng; Mỹ và VNDCCH đã ký một văn bản có ý nghĩa quan trọng vào buổi chiều. BCHTƯ Đảng Lao động Việt Nam đã tuyên bố việc ký kết đó đã kết thúc thành công cuộc kháng chiến chống Mỹ và chuẩn bị kết thúc cuộc đấu tranh ở miền Nam nhằm thống nhất đất nước. BCHTƯ Đảng Lao động Việt Nam tuyên bố: “Nhân dân hai miền Nam Bắc vô cùng tự hào và phấn khởi về thắng lợi vĩ đại này của Tổ quốc”. Với miền Bắc, hòa bình mang lại cơ hội mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đất nước có thể sẽ tái khôi phục nền kinh tế ngoài những nơi đã từng được xây dựng lại nhưng bị máy bay Mỹ ném bom tàn phá. Nhân dân có thể tin tưởng vào tương lai của đất nước nhưng vẫn còn cần phải cảnh giác với những âm mưu của kẻ thù. “Cách mạng Việt Nam đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân ta cần phải tiếp tục củng cố những thắng lợi đó và vẫn còn hoàn thành những thắng lợi mới lớn hơn để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [39-41].

Hiệp định Paris đã đảm bảo một sự biến đổi lợi ích quan trọng cho phong trào cách mạng và, mặc dù có những nhượng bộ từ phía Hà Nội và các đồng minh miền Nam,

nhưng điều đó không ảnh hưởng đến các mục tiêu cách mạng. Nó quy định việc ngừng bắn ngay lập tức, đó là điều mà các lực lượng cách mạng cần hơn bao giờ hết. Quan trọng hơn, nó đã buộc Mỹ tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống lại VNDCCH, triệt phá các phương tiện khí tài ở Nam Việt Nam, rút các lực lượng hiện có trong vòng 60 ngày, giúp đỡ việc tái thiết Đông Dương sau chiến tranh trong đó có VNDCCH và từ bỏ mọi cam kết với các đảng phái và cá nhân mang tính chất chính trị ở miền Nam. Hiệp định không đề cập đến lực lượng quân đội Bắc Việt ở miền Nam hay sự bố trí của họ; để xuất rằng các lực lượng đó có thể ở nguyên tại chỗ khi người Mỹ ra đi. Cuối cùng, Hiệp định nhắc lại giới tuyến phân chia quân sự ở vĩ tuyến 17 “chỉ là tạm thời và không có một biên giới chính trị hay lãnh thổ nào”, và “không được đưa quân đội nước ngoài vào sau khi đã rút khỏi” ⁽¹⁵⁾.

Vì vậy, với việc ký Hiệp định Paris, các mục tiêu đấu tranh chính trị và quân sự đã chiến thắng: như đánh dấu chấm hết sự có mặt của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chấm dứt các hành động tấn công chống lại miền Bắc, và kết thúc sự viện trợ của Mỹ cho chế độ Sài Gòn. Thêm nữa, việc trong Hiệp định không có các điều khoản về vị trí của lực lượng Bắc Việt ở miền Nam trên thực tế đã công nhận các lực lượng này ngoài các điều khoản cần phải thực thi của Hiệp định. Hệ quả là, nếu Washington từng tính đến việc trả đũa VNDCCH, vì họ tin các hoạt động của lực lượng VNDCCH ở miền Nam sẽ vi phạm hiệp định, sẽ không có cơ sở luật pháp quốc tế nào dành cho việc làm đó. Đó chính là một

⁽¹⁵⁾ Toàn văn của Hiệp định Paris năm 1973 được dẫn trong [37, tr. 203-214].

thắng lợi quan trọng của Đảng Lao động Việt Nam.

Cuối tháng 3-1973, Mỹ đã rút những lực lượng quân sự cuối cùng ra khỏi miền Nam Việt Nam và Hà Nội đã hoàn thành trao trả tù binh Mỹ. Ngoài ra, Hiệp định Paris còn cho thấy đó là quyết tâm và đem lại những lợi ích thiết thực cho việc thiết lập nền hoà bình ở Việt Nam. Với việc gạt ra một bên chế độ Sài Gòn để tập trung cho cuộc bầu cử thành lập chính phủ mới và tiếp tục các hoạt động chống phá bên kia Vĩ tuyến 17, BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam đã kết thúc kỳ họp 21 vào tháng 7-1973, trong đó xác định rằng: Thống nhất đất nước bằng con đường đấu tranh hòa bình là không phù hợp với hoàn cảnh hiện thời. Vì vậy, Nghị quyết này khẳng định cần phải tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chính trị và quân sự ở miền Nam với nhận định rằng Mỹ sẽ không thể đưa quân trở lại chiến trường miền Nam. Thêm vào đó, các nhà lãnh đạo miền Bắc cũng cho rằng nhân dân và Quốc hội Mỹ sẽ không cho phép chính quyền Nixon có thêm bất cứ sự dính líu nào và Nhà trắng, đã bị tê liệt bởi vụ Watergate, sẽ không thể thực thi chính sách mạo hiểm hơn nữa. Trên cơ sở sự phân tích đó, Bộ Chính trị Đảng lao động Việt Nam đã ra lệnh huy động những cố gắng cao nhất để giải phóng miền Nam [42]. Theo dự tính, cần phải mất 2 năm để hoàn thành việc này vì lực lượng cách mạng cần di chuyển cần trọng. Lý do mà Bộ Chính trị đưa ra thời hạn hành động đó là vì sau khi ký Hiệp định Paris, về căn bản Liên Xô đã hoàn toàn ngừng viện trợ và CHND Trung Hoa đã cắt giảm viện trợ cho VNDCCH [43; 18, tr. 136]. Theo đó, Mátxcova và Trung Quốc đã từ chối các nhu cầu viện trợ trực tiếp cho cách mạng Việt Nam để đạt được sự thoả hiệp mới với Mỹ.

Tuy nhiên thật bất ngờ, thành công đã đến sớm hơn so với dự kiến. Được bổ sung

hậu cần bằng việc tái sử dụng vũ khí, đạn dược, xe quân dụng cùng những khí tài chiến tranh khác thu được sau khi lực lượng quân đội miền Nam, những người đã mất hết tinh thần chiến đấu, bỏ chạy và tan rã, các lực lượng quân đội miền Bắc đã tràn vào Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam trong vòng 3 tháng. Phát huy khí thế thắng lợi và khai thác triệt để những sai lầm chiến lược của chế độ Sài Gòn - như việc lực lượng Việt Nam Cộng hoà rút quân vội vã khỏi Cao Nguyên Trung Bộ - Hà Nội đã mở cuộc tổng tấn công vào Sài Gòn và những phần còn lại của miền Nam vào giữa tháng 4-1975. Đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn, Tổng thống chính phủ CHMNVN Nguyễn Văn Thiệu đã từ chức và chạy khỏi Sài Gòn. Ngày 30-4-1975, Sài Gòn được giải phóng ⁽¹⁶⁾.

Như vậy, sau khi ký Hiệp định Paris, thắng lợi của lực lượng cách mạng đã được dự đoán trước. Lực lượng này đã nắm thế chủ động hoàn toàn trong cuộc chiến, và chỉ có hoà lực hiệu quả của Mỹ mới có khả năng ngăn cản được. Nhưng trên thực tế sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn đã diễn ra hết sức nhanh chóng. Khi Hiệp định Paris được ký kết, VNDCCH dốc hầu như toàn bộ tiềm lực kinh tế, quân sự và lực lượng cách mạng ở miền Nam đã vượt qua nhiều thiếu thốn lương thực và đạn dược cấp bách cũng như những khó khăn khác. Hiệp định Paris đã bảo đảm điều kiện chấm dứt việc ném bom của Mỹ ở miền Bắc. Nền hoà bình ở miền Bắc đã cho phép Hà Nội huy động sức mạnh kinh tế, xây dựng cơ sở và tăng cường sức mạnh cho các lực lượng vũ trang của mình. Hơn nữa, sự miền cưỡng phải chấp thuận nội dung bản hiệp định của chính quyền Sài Gòn và thừa nhận thực tế cuộc chiến cũng đồng thời làm

(16) Về kế hoạch quân sự của miền Bắc Việt Nam đối với việc giải phóng miền Nam xem [44].

suy giảm sự phản kháng của những người có quan điểm ôn hoà và những người theo chủ nghĩa tự do, như các tín đồ Phật giáo hay Công giáo. Theo đó, họ cũng không ủng hộ cho chế độ Sài Gòn [45]. Việc ngày càng mất lòng tin của nhân dân cuối năm 1974 và đầu năm 1975 đã làm cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa chỉ còn lại một chút năng lực cần thiết để có thể phản công lại lực lượng cách mạng.

Như đã từng diễn ra trong cuộc chiến tranh chống Pháp, kết quả của cuộc chiến tranh chống Mỹ và đồng minh không phải kết thúc trên chiến trường mà chính trên bàn đàm phán. Ở đó, các điều kiện được hợp thành, và lộ trình được đặt ra cho việc kết thúc của cuộc chiến tranh. Hiệp định Paris đã làm thay đổi cán cân lực lượng ở miền Nam và sớm đưa đến việc Mỹ phải rút toàn bộ quân đội ra khỏi chiến trường miền Nam, thừa nhận quân đội VNDCCH được giữ nguyên tại chỗ ở miền Nam. Do đó, sự sụp đổ của Sài Gòn là tất yếu trong bối cảnh thuận lợi được tạo ra qua Hiệp định Paris.

Trong cả hai cuộc kháng chiến, Ban lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam cho rằng sự thất bại của địch là việc sử dụng hoạt động quân sự như là hình thức đấu tranh hàng đầu. Tuy nhiên, lực lượng của Pháp rồi Mỹ, đã chứng tỏ sự "co giãn" hơn là "cảm quan". Không thể trung lập hóa những nỗ lực của các lực lượng đó bằng biện pháp quân sự, Ban lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam hướng vào ngoại giao nhằm đạt được những cứu cánh về lợi ích trong cả hai cuộc chiến và giành các mục tiêu cách mạng. Tinh thần cốt lõi của hiệp định Giơnevơ và Paris đã cho thấy vai trò của mặt trận ngoại giao trong cuộc đấu tranh nhằm đuổi quân đội Pháp và Mỹ ra khỏi Việt Nam. Thành tựu của cuộc Cách mạng năm 1975 được biết đến là dựa vào thắng lợi ngoại giao tại Giơnevơ và Paris

hơn là những cuộc đấu tranh khác. Do đó, ngoại giao đã chứng tỏ là yếu tố then chốt trong cả hai phong trào kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đồng thời là nhân tố có tính chất quyết định trong thắng lợi của cách mạng Việt Nam⁽¹⁷⁾.

Xin chân thành cảm ơn TS. Phương Chi và ThS. Ngô Vương Anh đã đọc và góp ý cho bản dịch này của chúng tôi.

**Nguyễn Mạnh Dũng lược dịch
Nguyễn Văn Kim hiệu đính**

Tài liệu tham khảo

- [1] David G. Marr, World War II and the Indochinese Revolution, In: Alfred W. Mc Coy (ed.), Southeast Asia Under Japanese Occupation, New Haven, Yale University Southeast Asia Studies Monograph, No. 22 (1980) 126.
- [2] Philippe Devillers, *Histoire du Viet-Nam, de 1940 à 1954*, Paris, Édition du Seuil, 1952, p. 81.
- [3] David G. Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power*, Berkeley, University of California Press, 1995.
- [4] Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam 1945-1975*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 14-253.
- [5] *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập VII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 168.

⁽¹⁷⁾ Trên đây là toàn văn ý kiến cá nhân của tác giả. Tuy nhiên, điều cần khẳng định là những thắng lợi về mặt quân sự sẽ đem đến những thắng lợi trên bàn đàm phán. Thắng lợi trên chiến trường sẽ quyết định thắng lợi trên lĩnh vực ngoại giao. Bên cạnh đó cũng cần xem lại một cách khách quan đến những yếu tố địa - chính trị khác và những tác động của tình hình thế giới. Theo chiều ngược lại, những kết quả đấu tranh ngoại giao có thể thúc đẩy (hay hạn chế) kết quả của đấu tranh chính trị và quân sự. Về điểm này, quan điểm của tác giả Pierre Asselin đã có cách nhìn và lập trường tương đối khác với cách nhìn nhận chung của chúng ta khi đánh giá về thành tựu của ngoại giao Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (ND).

- [6] Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, NXB Ngoại văn, Hà Nội, 1976, tr. 154.
- [7] Robert F. Randle, *Geneva 1954: The Settlement of the Indochinese War*, Princeton, Princeton University Press, 1969, p. 3-156.
- [8] Bernard B. Fall, *Hell in a Very Small Place: The Siege of Dien Bien Phu*, New York, Da Capo Press, 1966.
- [9] Arthur J. Dommen, *The Indochinese Experience of the French and the Americans: Nationalism and Communism in Cambodia, Laos, and Vietnam*, Bloomington, Indiana University Press, 2001, p. 251.
- [10] Thượng viện Hoa Kỳ - Ủy ban Quan hệ quốc tế, *Background Information Relating to Southeast Asia and Vietnam*, 90th Congress, 1st Session, Washington, D.C., U.S. Government Printing Office, 1967, p. 50.
- [11] Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, *The Department of State Bulletin*, Vol. XXXI, No.788, Washington, D.C., U.S. Government Printing Office, 2 August 1954, p. 164.
- [12] Marilyn B. Young, *The Vietnam Wars (1945-1990)*, New York, Harper Collins, 1991, p. 38, 9.
- [13] Gary R. Hess, *Vietnam and the United States: Origins and Legacy of War*, New York, Twayne Publishers, 1998, p. 48.
- [14] George C. Herring, *America's Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*, New York, John Wiley & Sons, 1979.
- [15] Lê Kinh Lịch (Ed), *The 30-Year War (1945-1975)* (Cuộc chiến tranh 30 năm, 1945-1975), tập I: 1945-1954, NXB Thế giới, Hà Nội, 2000, tr. 368.
- [16] Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh - Trực thuộc Bộ Chính Trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 216-217.
- [17] François Joyaux, *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine - Genève 1954*, Paris, Publications de la Sorbonne, 1979.
- [18] Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars, 1950-1975*, Chapel Hill, University of North Carolina Press, 2000, pp. 49-63.
- [19] *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, tr. 32.
- [20] Jules Roy, *La Bataille de Dien Bien Phu*, Paris, René Julliard, 1963, p. 568.
- [21] Philippe Devillers and Jean Lacouture, *The End of a War*, New York, Praeger Publishers, 1969, p. 149.
- [22] J.J. Zasloff, *Political Motivation of the Vietnamese Communists: The Vietminh Regroupees*, Santa Monica, Calif., RAND Corporation, 1968, p. 53.
- [23] Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2000, tr. 8.
- [24] Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II: 1954-1975, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 27.
- [25] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 15: 1954, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 229.
- [26] *Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam*, ngày 22-7-1954, Văn kiện Đảng 1954.
- [27] *American Imperialism's Intervention in Vietnam*, NXB Ngoại văn, Hà Nội, 1955, tr. 21.
- [28] Lê Mậu Hãn, *Đảng Cộng sản Việt Nam: các Đại hội và Hội nghị Trung ương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 80-81.
- [29] Robert K. Brigham, *Guerrilla Diplomacy: The NLF's Foreign Relations and the Vietnam War*, Ithaca, Cornell University Press, 1999, tr. 9-10.
- [30] Lê Duẩn, *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 413-414.
- [31] William J. Duiker, *The Communist Road to Power in Vietnam*, Boulder, Westview Press, 1996, p. 269.
- [32] *Văn kiện Đại hội*, tập I, NXB Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 174.
- [33] *Against U.S. Aggression, Main Documents of the National Assembly of the Democratic Republic of Vietnam, 3rd Legislature - 2nd Session*, tháng 4 năm 1965, NXB Ngoại văn, 1966.
- [34] Stein Tonnesson, *Tracking Multi -Directional Dominoes*, In: Odd Arne Westad et al. (Ed.), *77 Conversations Between Chinese and Foreign Leaders on the Wars in Indochina, 1964-1977* Washington, D.C, *Cold War International History Project Working Paper*, No. 22, 1998.
- [35] Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ, *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1996.
- [36] Nguyễn Thành Lê, *Cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

- [37] Pierre Asselin, *A Bitter Peace: Washington, Hanoi, and the Making of Paris Agreement*, Chapel Hill, University of North Carolina Press, 2002.
- [38] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện về công tác vận động công nhân*, tập III, NXB Lao động, Hà Nội, 1982, tr. 316.
- [39] Đảng Lao động Việt Nam, *Lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1973, tr. 0, 12, 14.
- [40] Báo Nhân dân, 28 tháng 1 năm 1973.
- [41] Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam*, Vụ thường tin báo chí, Hà Nội, tr. 5.
- [42] Ban chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng*, Tài liệu lưu trữ của Bảo tàng quân đội nhân dân Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam.
- [43] Daniel S. Papp, *The View from Moscow, Peking, Washington*, Jefferson, N.C., Mc Farland & Company, 1981, p. 189.
- [44] Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, 1945-1975*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 467-540.
- [45] Chen Min, *Myth and Reality of Triangulations: A Study of American Withdrawal from Vietnam*, In: *Asian Profile* 18, No. 6 (1990) 529.

The 1954 Geneva Agreement on Vietnam and the 1973 Paris Agreement: Diplomacy and the triumph of the Vietnamese revolution

Pierre Asselin

Faculty of History and Political Sciences, Chaminade University, Hawaii, USA

Based on the documental sources from many sides, the article tried to deeply analyze the process of the diplomatic struggle of Vietnam as from after signing Geneva Agreement until Vietnam and USA signed the Paris Agreement of 1973. During that process, the diplomatic one since beginning as activities of supporting for the military struggle and political struggle became as one of important and essential fronts, it made the collective powers that conducted the Vietnamese revolution to the complete victory. The American Government much sign the Paris Agreement, withdraw their troops out of Vietnam, admit the independence and sovereignty of the Vietnamese people by an international legal text, which were one of the most important victories of the diplomatic struggle and contemporary Vietnamese war art.